TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2020/DS-ST
Ngày: 16 – 10 – 2020
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xươnne.

Bà Lê Thị Diễm Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm Sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2020/TLST-DS, ngày 10 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp Hợp đồng góp hụi và vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2020/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2020/QĐST-DS, ngày 28 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Kiêm Thị Ngọc P, sinh ngày 01/01/1957, địa chỉ: Số X, Tổ 7, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Mai Văn S, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Huỳnh M, sinh năm 1965, cùng địa chỉ: Số Y, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, đều vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1959, địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị S, tên gọi khác C, sinh năm 1954, địa chỉ: Tổ Z, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 24/7/2020, Biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2020 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kiêm Thị Ngọc P trình bày*:

Bà là hụi viên, có tham gia 02 dây hụi do vợ chồng ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2018 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mãn ngày 10/9/2020 âm lịch, có 26 chưng, bà tham gia 01 chưng (để tên chị 3 P), bà đã đóng hụi sống được 15 lần = 10.965.000 đồng, đến lần khui thứ 16 (ngày 04/9/2019), vợ chồng ông S không khui nữa. Vì vậy, ông S, bà M còn nợ bà 15.000.000 đồng (có tính lãi).

Dây 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 30/02/2019 âm lịch (nhằm ngày 04/4/2019 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mãn ngày 30/7/2020 âm lịch, có 18 chưng, bà tham gia 01 chưng (để tên chị 3 P), bà đã đóng hụi sống được 06 lần = 4.510.000 đồng, đến lần khui thứ 7, bà M đình hụi không khui nữa. Vì vậy, Dây hụi này, bà M và ông S còn nợ bà 6.000.000 đồng (có tính lãi).

Tổng cộng 02 dây hụi, bà M, ông S còn nợ bà 21.000.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 30/02/2019 âm lịch (nhằm ngày 04/4/2019 dương lịch), bà M và ông S còn mượn của bà 20.000.000 đồng, không tính lãi (mượn không có làm giấy tờ), nhưng có bà Nguyễn Thị S (bà 6 C) và bà Nguyễn Thị Nh làm chứng. Tổng cộng ông S, bà M còn nợ bà tiền hụi và tiền vay là 41.000.000 đồng.

Khi thỏa thuận chơi hụi, hai bên ghi địa chỉ theo Danh sách hụi là ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Khi khui hụi tại nhà của bà M, ở ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có nhiều người, ông S (chồng bà M) cũng biết việc chơi hụi này và có ghi tên ông S trong các dây hụi.

Tiền hốt hụi và tiền đầu thảo, bà M, ông S sử dụng để xây dựng nhà cửa, làm chuồng trại nuôi heo, lo cho người con trai đi xuất khẩu lao động và làm vườn. Các dây hụi mà bà khởi kiện vợ chồng bà M, ông S đều có những người tham gia chơi hụi chung, mà hiện nay đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách như bà, là bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị Nh (trong dây hụi ghi tên chị 6 M) và bà Nguyễn Thị S (trong dây hụi ghi tên 6 C).

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M trả số tiền nợ hụi 21.000.000 đồng và tiền nợ mượn 20.000.000 đồng, không tính lãi, tổng cộng là 41.000.000 đồng.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2020, người làm chứng bà Nguyễn Thị Nh trình bày*:

Bà không có quan hệ bà con hay thân thích gì với bà Kiêm Thị Ngọc P và vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S, bà chỉ là hụi viên chơi hụi chung với bà P, hụi do vợ chồng bà M, ông S làm chủ, cụ thể:

Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2018 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mãn ngày 10/9/2020 âm lịch,

có 26 chưng, bà tham gia 05 chưng (để tên chị 6 M, Th, là con), còn bà P tham gia 01 chưng, dây hụi này khui được 15 lần, đến lần khui thứ 16 (ngày 04/9/2019 âm lịch), vợ chồng ông S không khui nữa. Vì vậy, ông S, bà M còn nợ bà P 15.000.000 đồng (có tính lãi). Trong Dây hụi này, bà P chỉ tham gia chơi 01 chưng, để tên chị 3 P, ngoài ra còn có bà Nguyễn Thị G cũng tham gia chơi chung trong Dây hụi này. Dây hụi này, bà hốt 04 chưng, còn lại 01 chưng.

Dây 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 30/02/2019 âm lịch (nhằm ngày 04/4/2019 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mãn ngày 30/7/2020 âm lịch, có 18 chưng, bà tham gia 02 chưng (để tên chị 6 M), Dây hụi này khui được 06 lần, đến lần khui thứ 7 (ngày 04/9/2019 âm lịch), vợ chồng bà M, ông S đình hụi không khui nữa. Vì vậy, dây hụi này bà M và ông S còn nợ bà P 6.000.000 đồng (có tính lãi). Trong Dây hụi này, bà P chỉ tham gia 01 chưng, để tên chị 3 P, đóng hụi sống, chưa hốt. Còn bà hốt 01 chưng, còn lại 01 chưng.

Sau đó, bà M có về và làm Tờ cam kết ngày 26/12/2019, viết trên giấy tập học sinh, do chính tay bà viết giùm cho bà M, có sự chứng kiến của ông Kiêm Ngọc M, Trưởng Ban nhân dân ấp A, cùng ngày. Tờ cam kết này, bà M hứa ngày 01/02/2020 âm lịch, sẽ tiếp tục khui hụi 5.000.000 đồng trở lại, nếu như ngược lại, không làm đúng cam kết, chị, em có quyền lấy đất (03 công tầm lớn), theo như Hợp đồng đã giao. Nghĩa là bà M sẽ cầm cố hoặc bán trả cho chị, em. Sau 10 ngày, kể từ ngày khui hụi, Đầu thảo phải chung đủ tiền, bà M làm giấy này để làm bằng chứng, nếu sai trái bà M hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngoài ra, bà cũng biết việc bà P cho vợ chồng bà M, ông S mượn 20.000.000 đồng, vì lúc đưa tiền có mặt bà, bà Sáu, bà P và bà M. Số tiền 20.000.000 đồng này do hụi viên bà Dương Thị B hốt hụi, nhưng vợ chồng bà M, ông S không có đủ tiền giao, nên bà M mới mượn của bà P để giao tiền hụi cho bà B.

Bà cam đoan lời khai của mình nêu trên là sự thật và chịu trách nhiệm với lời khai của mình.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2020, người làm chứng bà Nguyễn Thị S trình bày*:

Bà không có quan hệ bà con, thân thích hay mâu thuẫn gì với bà Kiêm Thị Ngọc P và vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S, bà chỉ là hụi viên chơi hụi chung với bà P, hụi do vợ chồng bà M, ông S làm chủ, cụ thể:

Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2018 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mãn ngày 10/9/2020 âm lịch, có 26 chưng, bà tham gia 02 chưng (để tên H, là con dâu), bà đã đóng hụi sống được 15 lần = 21.930.000 đồng, đến lần khui thứ 16 (ngày 04/9/2019), vợ chồng ông S không khui nữa. Vì vậy, ông S, bà M còn nợ bà 30.000.000 đồng (có tính lãi). Trong Dây hụi này, bà P chỉ tham gia 01 chưng, để tên chị 3 P, ngoài ra còn có bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Nh (để tên chị 6 M) cũng tham gia chơi chung trong Dây này.

Dây 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 30/02/2019 âm lịch (nhằm ngày 04/4/2019 dương lịch), 01 tháng khui 01 lần, mãn ngày 30/7/2020 âm lịch, có 18 chưng, bà tham gia 02 chưng (để tên chị 6 C và D, là cháu nội), bà đã đóng hụi sống được 06 lần = 9.020.000 đồng, đến lần khui thứ 7, bà M đình hụi không khui nữa. Vì vậy, dây hụi này, bà M và ông S còn nợ bà 12.000.000 đồng (có tính lãi). Trong Dây hụi này, bà P chỉ tham gia 01 chưng, để tên chị 3 P và bà Nguyễn Thị Nh cũng có tham chơi chung, để tên chị 6 M.

Trong hai dây hụi nêu trên, bà biết vợ chồng bà M, ông S còn nợ tiền hụi của bà P và của bà, vì bà M đã bỏ đi từ ngày 04/9/2019 âm lịch và không khui hụi nữa.

Ngoài ra, bà cũng biết việc bà P cho vợ chồng bà M, ông S mượn 20.000.000 đồng, vì lúc đưa tiền có mặt bà, bà P và bà M. Số tiền 20.000.000 đồng này do hụi viên bà Dương Thị B hốt hụi, nhưng vợ chồng bà M, ông S không có đủ tiền giao, nên bà M mới mượn số tiền này của bà P để giao cho bà B.

**Bị đơn ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M đều vắng mặt, không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiêm Thị Ngọc P.*

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng

[1] Theo biên bản xác minh ngày 19/5/2020, Công an thị trấn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cho biết như sau: Vợ chồng ông Mai Văn S, bà Nguyễn Huỳnh M hiện nay đang cư trú và còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số Y, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Theo nội dung Tờ Cam kết ngày 26/12/2019, thể hiện: Bà Nguyễn Huỳnh M, hiện ngụ tại ấp A, thị trấn K, Sóc Trăng, hứa ngày 01/02/2020 âm lịch, sẽ tiếp tục khui hụi 5.000.000 đồng trở lại, nếu như ngược lại, không làm

đúng cam kết, chị, em có quyền lấy đất (03 công tầm lớn), theo như Hợp đồng đã giao. Nghĩa là bà M sẽ cầm cố hoặc bán trả cho chị, em. Sau 10 ngày, kể từ ngày khui hụi, Đầu thảo phải chung đủ tiền, bà M làm giấy này để làm bằng chứng, nếu sai trái bà M hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[3] Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự, về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, cụ thể về việc xử lý việc ghi địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*"a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan".*

[4] Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định, tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền góp hụi 15.475.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền vay mượn. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung

[6] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận và giao kết Hợp đồng góp hụi với nhau, theo Hai dây hụi mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[7] Nguyên đơn cho rằng: Các Hai dây hụi mà bà khởi kiện vợ chồng bà M, ông S đều có những người tham gia chơi hụi chung, mà hiện nay đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách như: bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị Nh và bà Nguyễn Thị S. Lời trình bày này của nguyên đơn là có căn cứ chấp

nhận, vì phù hợp với các tài liệu, chứng cứ là Thông báo về việc thụ lý vụ án số 152/TB-TLVA, ngày 03/3/2020 (đối với bà G) và Thông báo về việc thụ lý vụ án số 247/TB-TLVA, ngày 29/4/2020 (đối với bà Nh).

[8] Về số tiền nợ hụi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi của Hai dây nêu trên là 15.475.000 đồng, người làm chứng bà Nguyễn Thị Nh và bà Nguyễn Thị S cũng xác định có tham gia chơi hụi cùng với nguyên đơn trong Hai dây hụi nêu trên và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền này, vì bị đơn đã không khui hụi từ ngày 04/9/2019 âm lịch, điều này cũng phù hợp với nội dung Tờ Cam kết mà bị đơn bà M đã ký ngày 26/12/2019.

[9] Về số tiền mượn 20.000.000 đồng: Hai người làm chứng bà Nguyễn Thị Nh và bà Nguyễn Thị S đều khẳng định bà P có cho bà M mượn số tiền này, do hụi viên bà Dương Thị B hốt hụi (trong dây hụi khác), nhưng vợ chồng bà M, ông S không có đủ tiền giao, nên bà M mới mượn 20.000.000 đồng của bà P để giao cho bà B.

[10] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *"Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ"*. Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Họ, hụi, biêu, phường: "*Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên*".

[11] Như vậy, có căn cứ xác định, nguyên đơn và bị đơn có tham gia chơi hụi với nhau, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 15.475.000 đồng và số tiền vay 20.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 166, 351, 357, 463, 466 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiêm Thị Ngọc P, buộc vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền nợ hụi 15.475.000 đồng và số tiền nợ vay 20.000.000 đồng, tổng cộng là 35.475.000 đồng.

[12] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên bà P không phải chịu án phí và cũng không phải nộp tạm ứng án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Vợ chồng bà M, ông S phải liên đới chịu án phí có giá ngạch là 35.475.000 đồng x 5% = 1.773.750 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 166, 351, 357, 463, 466 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiêm Thị Ngọc P, buộc vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền nợ hụi 15.475.000 đồng và số tiền nợ vay 20.000.000 đồng, tổng cộng là 35.475.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà P không phải chịu án phí và cũng không phải nộp tạm ứng án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Buộc vợ chồng bà M, ông S phải liên đới chịu 1.773.750 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên toà thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Vinh Thắng